

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/HS-ST

Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên – Giám đốc Trung tâm chính trị huyện Đức Hòa;

Bà Lê Thị Xuân Đào – Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lý Minh L, tên gọi khác: không có, sinh ngày 14/8/2006 tại tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện tại: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Minh Q, sinh năm 1969 (sống) và bà Đặng Kim N, sinh năm 1973 (sống); bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2024 cho đến nay, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Minh L: Bà Đặng Kim N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lý Minh L: Ông Nguyễn Văn K – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Trần Thanh T, tên gọi khác: không có, sinh ngày 13/5/2000 tại tỉnh Long An. Nơi thường trú: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An; Nơi ở hiện tại: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn:

6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L1, sinh năm 1982 (sống) và bà Phạm Thị L2, sinh năm 1983 (sống); bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2021/HSST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt Trần Thanh T 01 năm tù về tội Hủy hoại tài sản. Thản chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/6/2022, chấp hành xong hình phạt tù ngày ngày 26 tháng 3 năm 2022; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2024 cho đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Minh T1, tên gọi khác: không có, sinh ngày 21/3/2004 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi thường trú: Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (sống) và bà Đặng Thị Ngọc G, sinh năm 1984 (sống); bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2024 cho đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Hạo P, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số D đường S, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Trương Ngọc C, sinh năm 1981 - Chủ hộ kinh doanh Nhà nghỉ K1.

Địa chỉ: Số H, N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2. Nguyễn Quốc V, sinh năm 1984 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/05/2024, Lý Minh L do nghiện chất ma túy nên L rủ Trần Thanh T và Nguyễn Minh T1 cùng nhau góp tiền mua chất ma túy (dạng đá) để sử dụng thì được T1, T đồng ý. Lính góp số tiền 200.000 đồng, Nguyễn Minh T1 góp số tiền 200.000 đồng và Trần Thanh T góp số tiền 100.000 đồng. Tổng cộng được số tiền 500.000 đồng. Sau đó, Lý Minh L đi xe mô tô thuê đến khu vực Cầu X thuộc xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 túi chất ma túy (dạng đá) của một người thanh niên tên P (không xác định nhân thân lai lịch) với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được chất ma túy dạng đá, Lý Minh L cất giấu chất ma túy vào túi quần và đi xe thuê về phòng

A02 khách sạn K2 thuộc Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi về đến phòng A02, Lý Minh L lấy túi nylon đựng chất ma túy (dạng đá) ra phân làm 02 gói nylon nhỏ hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất ma túy dạng đá và 01 gói nylon lớn hàn kín hai đầu bên trong chứa chất ma túy (dạng đá). Lính, T và T1 cùng nhau lấy 01 gói nylon nhỏ ra sử dụng hết. Sau khi sử dụng xong Lính lấy 01 gói nylon nhỏ bên trong chứa chất ma túy (dạng đá) và 01 gói nylon lớn bên trong chứa ma túy đá bỏ vào trong 01 túi nylon lớn có rãnh khếp viền màu đỏ cất giấu trên viền cửa sổ phòng nghỉ A02. Sau đó, L, T1 và T nằm ngủ tại phòng. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 03/05/2024, Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An kiểm tra hành chính thì phát hiện số chất ma túy còn lại nêu trên nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số: 307/KL-KTHS ngày 09/5/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh L kết luận: “Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nylon được hàn kín được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,6591 gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 130/CT-VKSDH ngày 26/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lý Minh L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 04/5/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 04/5/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 04/5/2024.

Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với người thanh niên tên P có hành vi bán chất ma túy cho bị cáo Lý Minh L, kết quả điều tra không xác định được nhân thân lai lịch đối với P, chỉ có chứng cứ là lời khai duy nhất của L nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Trương Ngọc C chủ nhà nghỉ K1 và Lê Hạo P quản lý khách sạn K2 không biết việc L, T1, T tàng trữ trái phép chất ma túy trong phòng A02 khách sạn K2 để sử dụng nên hành vi của C, P không cấu thành tội phạm có liên quan.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,5013 gam và vỏ bao đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 307 đề nghị tịch thu tiêu hủy.

(Vật chứng trên hiện chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý, tạm giữ).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Minh L là ông Nguyễn Văn K có ý kiến tranh luận: Hành vi phạm tội của bị cáo L thực hiện bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan nên không tranh luận về tội danh và điều luật. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ bệnh không còn khả năng lao động bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, chưa có việc làm, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo mới sử dụng ma túy, bị cáo có bà ngoại là thương binh tuy nhiên do điều kiện đi lại khó khăn nên chưa kịp xác nhận để gửi cho cơ quan tiến hành Tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hạo P, Trương Ngọc C1 vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu, biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định chất ma túy, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận khoảng 16 giờ ngày 03/5/2024, tại phòng A02 khách sạn K2 thuộc Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, Lý Minh L, Trần Thanh T và Nguyễn Minh T1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng là 0,6591 gam, loại Methamphetamine trên viên cửa sổ phòng nghỉ A02 của phòng nghỉ A02 nhằm mục đích sử dụng thì bị Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An bắt quả tang. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận

thức được ma túy là chất độc hại, gây nghiện làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và thể chất của con người nên Nhà nước thống nhất quản lý và nghiêm cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện nên các bị cáo đã mua ma túy và cất giấu trái phép, mục đích để sử dụng, chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là tác nhân gây ra bệnh HIV. Hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trong vụ án này các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể từng người, không có sự cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo L giữ vai trò chủ mưu, rủ rê và cùng các bị cáo khác trực tiếp thực hiện tội phạm. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và ý kiến của người bào chữa sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với người thanh niên tên P có hành vi bán chất ma túy cho bị cáo Lý Minh L, kết quả điều tra không xác định được nhân thân lai lịch đối với P, chỉ có chứng cứ là lời khai duy nhất của L nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Trương Ngọc C là chủ nhà nghỉ K1 và Lê Hạo P là quản lý khách sạn K2 không biết việc L, T1, T tàng trữ trái phép chất ma túy trong phòng A02 khách sạn K2 để sử dụng nên hành vi của C, P không cấu thành tội phạm có liên quan.

[5] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,5013 gam và vỏ bao đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 307 nên tịch thu tiêu hủy.

(Vật chứng trên hiện chỉ cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý).

[6] Về án phí: Các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lý Minh L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/5/2024.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/5/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/5/2024.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (25-9-2024) để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,5013 gam và vỏ bao đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 307.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 129-26/08/2024 ngày 26/8/2024).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lý Minh L, Trần Thanh T, Nguyễn Minh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm